

Bản án số: 47/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 10/9/2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn, con
chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật.**

2. Bà **Đặng Thị Minh Anh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyển**- Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh**
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “ xin ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019.

Giữa các đương sự: + **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Đài T**, sinh năm 1991.

+ **Bị đơn**: Anh **Trần Việt C**, sinh năm 1990.

Điều trú quán: Thôn TP, xã PV, huyện BV, Thành phố Hà Nội.

(Chị T xin vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 27/7/2019 chị Nguyễn Thị Đài T trình bày: Chị Nguyễn Thị Đài T kết hôn với anh Trần Việt C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PV, huyện BV, ngày 03/7/2009. Sau khi kết hôn chị T và anh C về chung sống với nhau cùng gia đình nhà anh C tại xóm NG, thôn TP, xã PV, được thời gian ngắn thì chị T và anh C chuyển vào Miền Nam sinh sống được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T, anh C tìm hiểu nhau không kỹ nên cuộc sống hàng ngày hay xảy ra tranh chấp, cãi vã, anh C đã bỏ về quê sinh sống, do vậy chị T, anh C đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa, chị T xin được ly hôn anh C.

+ Về con chung: Chị T xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 10/12/2009, hiện cháu N đang ở với chị T. Hiện nay cháu N đã đến tuổi được pháp luật xem xét nguyện vọng, nguyện vọng của cháu N xin ở cùng mẹ hay cùng bố là quyền của cháu N. Khi giải quyết ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh C phải đóng góp nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về công nợ chung: Không có.

+ Theo bản tự khai ngày 31/7/2019 anh Trần Việt C trình bày: Anh Trần Việt C kết hôn với chị Nguyễn Thị Đài T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PV, huyện BV, ngày 03/7/2009. Sau khi kết hôn anh C và chị T về chung sống với nhau tại gia đình nhà anh C tại xã PV, BV, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn lý do không hợp nhau, nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt quan hệ được thời gian dài, vợ chồng không thể chung sống và hòa giải được nữa, anh C đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Anh C xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 10/12/2009, hiện cháu N đang ở với chị T, mặc dù cháu N đã đến tuổi được pháp luật xem xét nguyện vọng, nhưng bản thân anh C muốn được nuôi dưỡng cháu N vì lý do chị T không được học hành, chị T trước đó đã đưa cháu N sang Trung Quốc nhiều năm nay mới đưa cháu N về, anh C có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N để cháu N được học hành, về cấp dưỡng nuôi con chung anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công sức : Không có.

+ Về công nợ: Không có.

* Cháu Trần Thị Thảo N có nguyện vọng bằng văn bản xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị Đài T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ cho chị T và anh C, nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do anh Trần Việt C vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì có quan điểm: Việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý đơn của chị Nguyễn Thị Đài T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại Điều 171 BLTTDS. Sau khi ra Quyết định xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự và Viện Kiểm sát đúng thời hạn. Tòa án đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Về hôn nhân: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh C đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm trong thời gian dài, do vậy đại diện Viện Kiểm sát căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX quyết định cho chị Nguyễn Thị Đài T được ly hôn anh Trần Việt C. Về con chung : Có 01 con chung Trần Thị Thảo N, sinh ngày 10/12/2009. Hiện

cháu Nđang ở với chị T, chị Tcó nguyện vọng xin nuôi cháu N, anh C cũng có nguyện vọng xin nhận nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt không lý do, đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ, do vậy yêu cầu xin nhận nuôi dưỡng con chung của anh C không được chấp nhận, đề nghị HĐXX giao cháu Ncho chị T được nuôi dưỡng đến trưởng thành.Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu, không đề nghị xem xét.Tài sản chung, công sức, công nợ: chị T, anh C đều xác nhận không có. Về án phí: chị Tphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đài T và anh Trần Việt C là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PV, huyện BV ngày 03/7/2009. Sau khi kết hôn, chị T và anh C về chung sống với nhau tại nhà anh C ở xóm NG, thôn TP, xã PV, huyện BV. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tìm hiểu nhau không kỹ, tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên tranh chấp cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị T và anh C đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2014 đến nay. Nay chị T và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm thời gian rất dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, sống không có hạnh phúc, chị T và anh C đều tự nguyện xin được ly hôn, do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh C, cho chị Tđược ly hôn anh C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 10/12/2009. Chị T và anh C đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng thể hiện trách nhiệm cũng như tình yêu thương của bậc làm cha mẹ. Nhưng HĐXX thấy rằng: Hiện cháu N đang sống cùng chị Trang, bản thân chị T là phụ nữ, cháu N là con gái đang ở độ tuổi phát triển thể chất, tâm lý, rất cần được sự hướng dẫn, dạy dỗ, chăm sóc và thương yêu của người mẹ, hiện cháu Nđã đến

tuổi được pháp luật xem xét nguyện vọng, cháu N có nguyện vọng bằng văn bản xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị Đài T, do vậy HĐXX chấp nhận nguyện vọng của cháu N, giao cháu N cho chị T được nuôi dưỡng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của anh Trần Việt C có nguyện vọng xin nhận nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, anh C cho rằng do chị T không được học hành, chị T trước đó đã đưa cháu N sang Trung Quốc nhiều năm nay mới đưa cháu N về, nhưng thực tế cháu N đang theo học tại trường tiểu học xã PV, cháu N có nguyện vọng bằng văn bản xin được ở cùng chị T, do vậy HĐXX không được chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của anh C.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Do chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức: Chị Trang, anh C đều xác nhận không có.

Về công nợ chung: Chị Trang, anh C đều xác nhận không có.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Đài T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

1/ Xử : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đài T đối với anh Trần Việt C . Cho chị Nguyễn Thị Đài T được ly hôn anh Trần Việt C.

2/ Về con chung: Có 01 con chung: Trần Thị Thảo N, sinh ngày 10/12/2009.

Giao cho chị Nguyễn Thị Đài T được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 10/12/2009 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi hoặc có yêu cầu thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Việt C cho đến khi chị Nguyễn Thị Đài T có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Anh Trần Việt C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công sức: Không có.

4/ Về công nợ : Không có.

5/ Án phí : Chị Nguyễn Thị Đài T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009465 ngày 25/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

6/ Quyền kháng cáo : Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Ba Vì
- Chi cục THADS huyện Ba Vì
- Các đương sự.
- UBND xã PV.
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phúc Thịnh